

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Bàn,
tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Xét đề nghị của UBND huyện Văn Bàn tại Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 29/5/2015 và ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 150/TTr-SKH ngày 16/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung sau:

I. Quan điểm phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Bàn phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai, của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

- Tập trung phát triển các ngành kinh tế tạo động lực trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện một cách bền vững. Phát triển kinh tế huyện Văn Bàn trong giai đoạn tới, xác định nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới giữ vai trò trọng tâm, xuyên suốt; du lịch - dịch vụ là mũi nhọn; công nghiệp, xây dựng là quan trọng.

- Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với phát triển xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng, tiến bộ xã hội nhằm trước hết tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo và nâng cao mức sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

- Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế theo hướng hàng hóa, chất lượng, hiệu quả; chuyển dịch mạnh cơ cấu nội ngành theo hướng tích cực. Tập trung nguồn lực xây dựng nông thôn mới, khai thác tối đa lợi thế so sánh của huyện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải quyết tốt các vấn đề xã hội; quan tâm đúng mức bảo vệ môi trường; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa. Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị ngày một trong sạch, vững mạnh. Xây dựng huyện Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trên địa bàn bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,8%, trong đó: tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp, thủy sản là 5,5%/năm, ngành công nghiệp - xây dựng là 15,5%/năm, ngành thương mại - dịch vụ là 14,5%. Cơ cấu giá trị sản xuất phân theo trật tự: Nông, lâm thủy sản - Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ năm 2020: 22,5% - 55,8% - 21,7%.

Phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, đến năm 2020, phần đầu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đạt 41 triệu đồng/người.

Phần đầu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất được duy trì đều ở mức 9,17%/năm. Tổng giá trị sản xuất huyện Văn Bàn quản lý đạt 12.788 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), cơ cấu tỷ trọng các ngành nông, lâm, ngư nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ là 13,8% - 66,1% - 20,1%. Thu nhập bình quân đầu người đạt mức 75 triệu đồng/người.

b) Về phát triển xã hội

- Về xã hội: Giai đoạn 2016 - 2020, phần đầu duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,05 - 1,1%; quy mô dân số của huyện đến năm khoảng 90.505 người, đến năm 2030 là 98.011 người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3,5%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Phần đầu tạo việc làm tăng thêm bình quân cho 2.000 lao động/năm.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho người lao động, đến năm 2020 đạt trên 50% lao động đã qua đào tạo nghề và đến năm 2030 có 75% số lao động qua đào tạo, tập huấn nghề.

- Về giáo dục: Đến năm 2020, tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường mẫu giáo đạt 100%, tiểu học: đạt 100%, trung học cơ sở: 99,9%; tỷ lệ học sinh vào các trường trung học phổ thông đạt 80%; Phần đầu 90% học sinh

tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia đào tạo nghề và học trung học chuyên nghiệp.

- Về y tế: Các cơ sở y tế xã đáp ứng yêu cầu theo dõi và chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân với 100% xã đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020.

Y tế huyện được kiện toàn đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân trong huyện, giảm tải cho bệnh viện cấp trên. Nâng cấp, mở rộng bệnh viện huyện, phấn đấu đến năm 2020 đạt 170-180 giường bệnh (không tính giường của trạm y tế xã). Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 15% vào năm 2020. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Không ngừng nâng cao mức hưởng thụ về đời sống văn hóa, thông tin, thể thao cho người dân.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện: Trên 95% số hộ được dùng điện lưới vào năm 2020.

- Mục tiêu môi trường:

Nâng độ che phủ rừng lên trên 66% vào năm 2020 và 69% vào năm 2030; bảo vệ tốt môi trường ở trung tâm huyện, các trung tâm cụm xã, các khu dân cư, các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển; kết hợp khai thác du lịch sinh thái với bảo tồn sinh học rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Cung cấp đủ nước hợp vệ sinh cho 100% hộ dân. Nâng cấp và xây dựng thêm các cơ sở, các công trình xử lý rác thải, nước thải trên địa bàn huyện.

- Về xây dựng nông thôn mới:

Phấn đấu đến năm 2020 có 8 xã đạt tiêu chí về nông thôn mới. Năm 2030 có khoảng 80% tổng số xã đạt tiêu chí về nông thôn mới.

- Về quốc phòng, an ninh: Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đảm bảo huyện Văn Bàn trở thành khu vực phòng thủ vững chắc của tỉnh Lào Cai, đảm bảo an ninh chính trị, giữ vững trật tự xã hội; giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Công tác quân sự địa phương cần được đảm bảo duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Tăng cường nắm chắc tình hình ở địa bàn trọng điểm, đảm bảo giữ gìn an ninh chính trị ổn định. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ cần được tổ chức thường xuyên và phù hợp với nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự xã hội.

III. Lựa chọn các lĩnh vực trọng điểm có tính đột phá đến năm 2020

1. Tiêu chuẩn lựa chọn các lĩnh vực trọng điểm

- Có tiền đề và lợi thế phát triển.

- Có vai trò to lớn đối với nền kinh tế trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa: tạo ra đóng góp lớn về giá trị sản xuất, về ngân sách, về tích lũy và khả năng thu hút lao động.

- Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lào Cai, Quy hoạch các ngành, các lĩnh vực của tỉnh.

- Đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường, góp phần phát triển bền vững.

2. Các lĩnh vực trọng điểm dự kiến

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, xây dựng và chỉnh trang bộ mặt đô thị được coi là khâu đột phá để một mặt Văn Bàn sớm trở thành một huyện có hệ thống hạ tầng khá trong hệ thống các huyện, thành phố của tỉnh Lào Cai; mặt khác, tạo sức thu hút cho phát triển kinh tế, trước hết là xây dựng, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Tập trung cho đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt các yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông, lâm nghiệp chất lượng cao.

- Đối với kinh tế, phát triển thương mại dịch vụ gắn với khai thác tối đa lợi thế đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tạo ra bước phát triển mũi nhọn để kinh tế huyện có tốc độ tăng trưởng cao, tạo nguồn thu cho ngân sách và nâng cao thu nhập cho các tầng lớp dân cư.

IV. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

1. Phát triển nông, lâm, thủy sản

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2016 - 2020 là 5,5%/năm. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản huyện Văn Bàn năm 2020 đạt 1.729,5 tỷ đồng (giá hiện hành). Trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng của ngành trồng trọt giảm dần, tăng dần tỷ trọng các ngành chăn nuôi. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất kinh tế nông nghiệp, đầu tư trọng điểm để nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất chuyên canh, các vùng cây trồng có giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh việc thâm canh tăng vụ, sản xuất lúa giống, lúa cao sản, lúa chất lượng cao, ngô hàng hóa nhằm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị canh tác. Xây dựng vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao tại các xã phía Tây của huyện (Dương Quý, Thảm Dương, Nậm Xây,...), xây dựng vùng cây ăn quả tại các xã phía Nam (Khánh Yên Trung, Liêm Phú, Chiềng Ken, Khánh Yên Hạ...). Tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp; đưa kinh tế lâm nghiệp là thu nhập chính cho người nông dân. Tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp; ưu tiên phát triển chăn nuôi đại gia súc, trang trại chăn nuôi công nghệ cao. Tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng đưa một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao nhất là cá nước lạnh.

a) Nông nghiệp

Xây dựng ngành nông nghiệp hàng hóa đa dạng, phù hợp với hệ sinh thái, phát triển bền vững, áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, bảo quản và chế biến để tạo ra các sản phẩm có chất lượng và giá trị cao. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 đạt mức bình quân 5,8%/năm và giai đoạn năm 2021 - 2030 đạt mức 4,5%/năm.

b) Lâm nghiệp

Phần đầu giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng 2,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020, tăng 4,5%/năm giai đoạn 2021 - 2030.

Đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ rừng, PCCC rừng, khoanh nuôi tái sinh để nhanh chóng phủ xanh đất trống đồi núi trọc; đổi mới cơ cấu giống cây lâm nghiệp có năng suất, chất lượng và hiệu quả; khuyến khích cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, trồng rừng sản xuất, rừng có giá trị kinh tế cao; trồng rừng kinh tế gắn liền với chế biến lâm sản.

c) Thủy sản

Ổn định và phát triển vùng nuôi ao hồ nhỏ, đến năm 2020 diện tích đạt 367 ha, sản lượng đạt 1.285 tấn, với các đối tượng cá truyền thống ở các xã Văn Sơn, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ... góp phần phục vụ nhu cầu tại chỗ và bước đầu tập trung sản xuất thủy sản theo hướng hàng hóa

Quy hoạch vùng phát triển cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm) với hình thức nuôi ao, bồn, bể đạt 3.500 m³ sản lượng 67 tấn tại các xã vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên bao gồm Liêm Phú, Nậm Xây, Nậm Xé.

2. Phát triển dịch vụ

Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng chung của ngành dịch vụ ở mức 14,5%/năm. Giai đoạn 2021 - 2030 là 10,5%/năm. Giá trị ngành dịch vụ năm 2020 đạt 1.669,9 tỷ đồng (giá hiện hành).

a) Thương mại

Đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất kinh doanh và đời sống, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế, mở rộng thị trường.

Hoàn chỉnh hệ thống thương mại trên địa bàn huyện, đặc biệt chú trọng tới phát triển thị trường nông thôn, phát triển các chợ đầu mối. Dự kiến tốc độ tăng trưởng tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hóa giai đoạn 2016 - 2020 là 18%/năm.

Dịch vụ thương mại tập trung vào mở rộng giao lưu hàng hoá với 2 chức năng chính: khai thác thế mạnh về vai trò trung chuyển của chợ Trung tâm huyện và chợ đầu mối của xã Võ Lao và các chợ khác ở các xã trong huyện; tạo

điều kiện thuận lợi cho mở rộng giao lưu các sản phẩm trước hết là các nông sản của Văn Bàn ra các địa phương khác, tạo điều kiện cho các ngành trong huyện phát triển.

b) Dịch vụ du lịch

Phát triển du lịch huyện Văn Bàn tạo sự thống nhất trong hoạt động phát triển du lịch của tỉnh Lào Cai, tạo cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên du lịch đa dạng và phong phú trên địa bàn; Đến năm 2020 phấn đấu số lượt khách du lịch nội địa đến địa phương trên 11.500 người, đến năm 2030 là trên 15.000 người.

Tạo sản phẩm du lịch độc đáo, đặc trưng nhất là du lịch gắn với văn hóa tâm linh Đền Cô xã Tân An, Đền Ken xã Chiềng Ken. Tạo sản phẩm du lịch chuyên đề nhất là chú trọng khai thác tiềm năng du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên, Thác Bạc xã Liêm Phú, Khu du lịch Pú Gia Lan, Đèo Khau Co xã Nậm Xé... Đặc biệt với bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc Tày là một tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch cộng đồng gắn với các lễ hội Lồng Tồng, hát Nôm, hát Then... có thể phát triển tại các xã Võ Lao, Chiềng ken, Liêm Phú, Dương Quỳnh...

c) Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

Trong những năm tới cần đẩy mạnh hoạt động của các dịch vụ tài chính ngân hàng theo xu hướng của kinh tế thị trường để phục vụ cho các nhu cầu mở rộng sản xuất và nâng cao đời sống trong huyện, nhất là phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ bản của huyện.

3. Phát triển công nghiệp, xây dựng

Giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng GTSX toàn ngành công nghiệp đạt 12%/năm, trong đó tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp khai thác đạt 12%/năm, công nghiệp chế biến đạt 8%/năm, công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước đạt 15%/năm.

Giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GTSX toàn ngành công nghiệp đạt 9%/năm, trong đó tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp khai thác đạt 10%/năm, công nghiệp chế biến đạt 7%/năm, công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước đạt 10%/năm.

Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư khai thác chế biến khoáng sản như sắt Quý Sa, vàng Minh Lương, Apaptit Chiềng Ken; đẩy mạnh tiến độ thi công công trình thủy điện theo quy hoạch trên địa bàn huyện; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ để giải quyết việc làm, phát triển dịch vụ. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất và khai thác vật liệu xây dựng, phát triển nghề truyền thống, chế biến nông lâm sản, sản xuất thức ăn gia súc.

4. Văn hóa - xã hội

a) Thực hiện chính sách lao động, giảm nghèo và an sinh xã hội

Thực hiện xã hội hoá, đa dạng hoá công tác giáo dục, đào tạo. Tập trung nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cấp hệ thống giáo dục cơ sở từ mầm non cho đến các cấp giáo dục phổ thông để nâng cao trình độ dân trí và kiến thức chung cho người dân.

Thường xuyên mở các lớp tập huấn, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ cho nông dân trong huyện về việc áp dụng các loại giống cây, con mới, biện pháp canh tác, chăn nuôi mới, phương pháp bảo vệ thực vật, kỹ thuật thú y...

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân kỹ thuật giỏi trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, dịch vụ - du lịch... gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện và của tỉnh, trước mắt là đáp ứng cho nhu cầu lao động của các ngành sản xuất trên địa bàn (cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến đồ gỗ xuất khẩu...). Đặc biệt chú trọng mở các lớp dạy nghề, truyền nghề, đào tạo công nhân.

Từng bước thay đổi tư duy và nhận thức của người lao động về nghề nghiệp, về ý thức kỷ luật trong lao động. Khuyến khích các hoạt động đưa người lao động trên địa bàn huyện đi làm việc, lao động ở nước ngoài. Giai đoạn 2016 - 2020, tạo việc làm mới cho trên 2.000 lao động/năm và giai đoạn 2021 - 2030 cho trên 3.000 lao động/năm.

Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Dự kiến dân số huyện Văn Bàn đến năm 2015 là 85.687 người; năm 2020 là 90.505 người; năm 2030 là 98.011 người.

Cơ cấu lao động phải được thay đổi mạnh theo hướng giảm mạnh lao động sản xuất nông nghiệp, tăng nhanh lao động dịch vụ, lao động công nghiệp - xây dựng. Dự kiến đến năm 2020 lao động nông nghiệp còn khoảng 78% tổng số lao động trong huyện. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề của toàn huyện đạt trên 50%.

Tập trung công tác giải quyết việc làm cho người lao động. Giúp người lao động có nguồn thu nhập ổn định. Phần đầu giảm tỷ lệ đói nghèo, phần đầu giai đoạn 2016 - 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3,5%/năm (theo tiêu chuẩn hiện tại).

b) Giáo dục - đào tạo

Tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo cân đối, đồng bộ và chất lượng cao để bảo đảm quyền và nghĩa vụ học tập của nhân dân, thực hiện công bằng trong giáo dục.

Phần đầu 100% các trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia về diện tích vào năm 2020. Đảm bảo quy mô diện tích hệ thống trường lớp theo tiêu chuẩn quốc gia. Đáp ứng đủ giáo viên các cấp; có 100% giáo viên các cấp học từ mầm non

đến trung học phổ thông, trong đó có 50% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn của cấp học vào năm 2020, đến năm 2030 tỷ lệ này đạt 80%; 100% trường học được kiên cố hóa; có 80% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia vào năm 2020, đến năm 2030 tỷ lệ này đạt trên 92%.

c) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Từng bước xã hội hóa các hoạt động y tế. Phát triển và hoàn thiện hệ thống khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế, tăng cường công tác quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

Đến năm 2020, 100% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 15%, duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,05 - 1,1%; 100% trạm y tế cơ sở có bác sĩ. Đạt 18,4 giường bệnh/1 vạn dân. Thành lập Phòng khám Đa khoa khu vực Khánh Yên Hạ; tăng quy mô giường bệnh các phòng khám Minh Lương, Dương Quý, Tân An, Võ Lao lên 15 giường bệnh/phòng khám; Bệnh viện Đa khoa huyện 110 giường bệnh và đến năm 2030 là 130-150 giường bệnh để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

d) Văn hóa, thể dục thể thao

- Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa theo đúng các chủ trương, quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, của tỉnh Lào Cai về xây dựng các thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và phát huy vai trò của trung tâm văn hóa, thể thao huyện; đảm bảo trung tâm là nơi tổ chức mọi hoạt động văn hóa thể thao chung cho toàn huyện, nhất là vào những dịp lễ hội lớn của địa phương.

- Coi trọng bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc của Văn Bàn; xây dựng nhà văn hoá ở các trung tâm cụm xã.

- Xây dựng mới và nâng cấp các hội trường kiêm nhà văn hóa xã, phòng truyền thống, điểm bưu điện văn hóa xã ở tất cả các xã trong huyện.

- Xây dựng mới và nâng cấp các điểm sinh hoạt văn hóa (nhà văn hóa) cộng đồng ở tất cả các khu dân cư; đầu tư thêm những phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động của các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

- Trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện, một mặt, bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử, đáp ứng đời sống tinh thần, tâm linh của nhân dân, mặt khác kết hợp với kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Xây dựng sân luyện tập thể thao, các sân bóng đá, cầu lông, bóng chuyền... ở tất cả các cụm xã và ở tất cả các xã trên địa bàn. Xây dựng các sân thể thao hợp lý tại các khu dân cư, tại các cơ sở kinh doanh...

5. Quốc phòng, an ninh

Tập trung các nguồn lực của địa phương, đầu tư nguồn ngân sách hợp lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng các nội dung trọng điểm trong hoạt động quốc phòng an ninh của huyện như đầu tư nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, thực hiện công tác bồi dưỡng dân quân tự vệ, dự bị động viên và có những chủ trương chính sách phù hợp; từng bước xây dựng và hoàn thiện các công trình quốc phòng trọng điểm.

6. Phương hướng phát triển và quy hoạch kết cấu hạ tầng

*** Mục tiêu phát triển:**

- Giai đoạn đến năm 2020: 100% số km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 80% số km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 50% số km đường GTNT (nội thôn, bản) được cứng hóa.

- Giai đoạn đến năm 2030: 100% số km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 80% số km đường GTNT được cứng hóa.

*** Hạ tầng giao thông:**

Xây dựng, nâng cấp các tuyến Quốc lộ và đường tỉnh chạy qua địa bàn huyện (theo quy hoạch chung của Trung ương và tỉnh Lào Cai). Cụ thể:

+ Cao tốc Hà Nội - Lào Cai: Đến năm 2020 nâng cấp quy mô 4 làn xe.

+ Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai về Lai Châu: Theo hướng Lai Châu - Đông Pao - Bản Bo - QL32 - QL279 - Bảo Hà - nút giao IC.16, với tiêu chuẩn cấp III MN (Thông báo số 327/TB-VPCP ngày 13/11/2009 của Văn phòng Chính phủ).

+ Cải tạo nâng cấp QL279 đạt tiêu chuẩn cấp IV, cấp III, các đoạn qua các thị trấn mở rộng theo quy hoạch đô thị.

+ Cải tạo nâng cấp tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn cấp III, cấp IV, cấp V; bổ sung quy hoạch ĐT 151C theo hướng Sơn Hà - Cam Cọn - Tân An - Khe Sang; điều chỉnh quy hoạch ĐT 151B theo hướng tuyến: Võ Lao - Nậm Dạng - Hòa Mạc (km112-QL279) - Văn Bản - Nậm Tha - Phong Dụ Hạ; bổ sung quy hoạch ĐT 152B theo hướng Thanh Phú - Nậm Sài - Nậm Cang - Nậm Chày - Dương Quỳ.

+ Đường vận chuyển quặng sắt Quý Sa - Tầng Lông: Cải tạo nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp III, cấp IV.

+ Quy hoạch giao thông liên xã và nội bộ xã:

* Nâng cấp: Rải nhựa, bê tông nhựa một số tuyến đường từ trung tâm huyện đến các xã.

* Đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp một số tuyến đường giao thông liên thôn.

*** Quy hoạch hệ thống giao thông tỉnh:**

- Quy hoạch xây dựng điểm đỗ, đón trả khách tại nút giao IC16 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Điểm đỗ phải đảm bảo thuận lợi và an toàn cho hành khách.

- Ngoài ra, tại các điểm du lịch có đông khách lui tới (Đền Cô Tân An, Đền Ken), cần xây dựng các bãi đỗ xe phù hợp.

- Hoàn thành xây dựng bến xe khách Văn Bàn, huyện Văn Bàn theo tiêu chuẩn bến xe loại 3.

+ Xây dựng mới bến xe tại các xã Võ Lao, Minh Lương, Liêm Phú, Nậm Tha tiêu chuẩn bến xe loại 6.

* **Đường thủy nội địa:** Chinh trị sông Hồng, tập trung nạo vét tuyến đường thủy nội địa Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai để đảm bảo tuyến vận tải đường thủy Yên Bái - Lào Cai đạt tiêu chuẩn cấp IV.

- *Phương hướng phát triển thông tin và truyền thông*

+ Phát triển mạng điện thoại cố định, nâng mức phủ sóng viễn thông, phát triển mạng Internet băng thông rộng để đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

+ Phần đầu đến năm 2020: 100% số xã có máy điện thoại và điểm cung cấp dịch vụ viễn thông; 100% số xã có kết nối Internet băng thông rộng; có 100% cán bộ công chức, viên chức chuyên môn nghiệp vụ được trang bị máy tính phục vụ công việc; 100% cơ quan nhà nước từ cấp xã trở lên đều có mạng LAN và kết nối với mạng thông tin của tỉnh; 100% cơ quan nhà nước cấp huyện và 30% cơ quan nhà nước cấp xã, thị trấn được sử dụng phần mềm Quản lý HSCV và hệ thống thư điện tử của tỉnh; 100% cơ quan nhà nước cấp huyện ứng dụng chữ ký số trong giao dịch công việc; 15% các xã, thị trấn có cổng thông tin giao tiếp với người dân; 100% cơ quan nhà nước cấp xã, thị trấn triển khai hệ thống một cửa điện tử.

- *Phương hướng phát triển và quy hoạch mạng lưới điện*

Trên toàn địa bàn huyện cần phải đầu tư nâng cấp toàn bộ mạng lưới điện cao thế, trung và hạ thế hiện có.

Đầu tư xây dựng mới hệ thống lưới điện trung áp, hạ áp, trạm biến áp để cấp điện cho 29 thôn bản trên địa bàn huyện chưa có lưới điện quốc gia hoặc lưới điện không đảm bảo do nhân dân tự kéo. Đến năm 2020 đảm bảo 100% số thôn bản trên địa bàn huyện được sử dụng điện lưới quốc gia. Trên 95% số hộ được dùng điện lưới vào năm 2020.

- *Quy hoạch phát triển các công trình thủy lợi, cấp và thoát nước*

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Phần đầu nâng tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa từ 95% vào năm 2020 và đạt 100% vào năm 2030. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa làm mới 32 công trình thủy lợi, trong đó: Làm mới 36 đập đầu mối; làm

mới 02 hồ chứa; sửa chữa nâng cấp 15 hồ chứa vừa và nhỏ; Kiên cố 52 km kênh mương; tăng diện tích tưới tiêu chủ động thêm 2.800 ha ruộng lúa và hoa màu các loại.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình CNSH để đạt 80% số km cấp nước sinh hoạt và sản xuất được nâng cấp, xây mới vào năm 2020. Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt cho trung tâm các xã, nâng cấp một số công trình cấp nước tự chảy bằng nguồn vốn huy động từ các chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương, đầu tư từ ngân sách của huyện và huy động đóng góp các nguồn lực của nhân dân.

- *Về rác thải*: Đối với khu vực thị trấn, vùng trung tâm huyện, cần tăng cường tổ chức hệ thống thu gom rác trong các khu dân cư, sau đó chuyển về khu xử lý rác để chờ xử lý. Đối với các trung tâm cụm xã và trung tâm xã cũng cần đẩy mạnh tổ chức hoạt động thu gom rác và bố trí những khu xử lý rác thích hợp.

- *Quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa*: Mỗi xã cần giành diện tích để quy hoạch nghĩa địa. Tính đến việc di dời các nghĩa địa không đủ quy chuẩn ra nơi xa khu dân cư và tập trung, với khu hung táng và cải táng riêng.

- *Tổ chức phát triển đô thị*:

+ Với quy mô phát triển theo quy hoạch và thực tế hiện nay thì trong tương lai gần thị trấn Khánh Yên sẽ đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của quy hoạch đô thị loại V với quy mô mở rộng 750 ha.

+ Phối hợp với huyện Bảo Yên hoàn thành các tiêu chí đô thị loại IV đối với đô thị Bảo Hà - Tân An.

- *Tổ chức các trung tâm cụm xã*: Cụm 1: Gồm thị trấn Khánh Yên và vùng phụ cận; Cụm 2: Trung tâm cụm xã ở Võ Lao; Cụm 3: Trung tâm cụm xã Khánh Yên Hạ; Cụm 4: Trung tâm cụm xã Dương Quý; Cụm 5: Trung tâm cụm xã Minh Lương.

- *Định hướng quy hoạch sử dụng đất*: Đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực cụ thể.

V. Các giải pháp phát triển chủ yếu

1. Giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư

Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư như trên cần phải có các biện pháp huy động vốn một cách tích cực, trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển đô thị, tiểu thủ công nghiệp, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, xã hội hoá trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao.

2. Các giải pháp sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư

Có biện pháp phối hợp nguồn vốn để tạo sức thu hút vốn, đồng thời sử dụng vốn có hiệu quả. Thực hiện đầu tư có trọng điểm, đầu tư dứt điểm để phát huy hiệu quả của nguồn vốn.

Đối với nguồn vốn ngân sách: có biện pháp phối hợp với các nguồn vốn khác để tạo sức thu hút vốn, đồng thời sử dụng vốn có hiệu quả. Thực hiện đầu tư có trọng điểm, đầu tư dứt điểm để phát huy hiệu quả của nguồn vốn.

Đối với các nguồn vốn khác, cần tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân đầu tư đúng hướng, thông qua triển khai quy hoạch thành các chương trình, dự án, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi nâng cao hiệu quả sử dụng.

3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đào tạo, khuyến khích các phong trào học tập trong học sinh thanh niên để các thanh niên đến độ tuổi lao động có đủ trình độ văn hoá để theo học các trường đại học, cao đẳng và học nghề tập trung của Trung ương và tỉnh Lào Cai.

Tăng cường hệ thống các cơ sở đào tạo nghề (đẩy mạnh dự án xây dựng Trung tâm Dạy nghề và GDTX huyện thành Trường trung cấp nghề). Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề. Đặc biệt chú trọng mở các lớp dạy nghề, truyền nghề, đào tạo công nhân. Kết hợp các hình thức đào tạo chính quy là hướng đào tạo khác, trong đó coi đào tạo chính quy là hướng đào tạo cơ bản, đảm bảo nguồn nhân lực trình độ cao, bên cạnh đó cũng chú trọng kết hợp với các doanh nghiệp trên địa bàn đào tạo công nhân theo nhu cầu của doanh nghiệp.

4. Giải pháp ứng dụng khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất; Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là về giống cây trồng, con vật nuôi, trang thiết bị, dây chuyền công nghệ chế biến để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Cần có quy hoạch chung về hệ thống xử lý rác thải công nghiệp và nước thải, rác thải sinh hoạt.

5. Giải pháp về thị trường

Khuyến khích phát triển thị trường theo hướng đa dạng, năng động để có thể thu hút và thích ứng với nhiều tầng lớp người tiêu dùng khác nhau, ở nhiều vùng với các sản phẩm đặc trưng cho mỗi vùng. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ có sản phẩm chất lượng tốt và có triển vọng đáp ứng nhu cầu của thị trường trong tương lai, tăng cường việc quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như bằng nhiều hình thức quảng cáo khác.

6. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước

Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, chính sách dân tộc thiểu số... Cùng cố, hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước, nhất là cấp cơ sở; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm trước công việc, trước nhân dân của đội ngũ cán bộ công chức từ huyện đến cơ sở; thực hiện có hiệu quả công tác tinh giản biên chế, cần kiên quyết loại bỏ những cán bộ, công chức không đủ năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm, thoái hóa, biến chất ra khỏi cơ quan nhà nước các cấp. Xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh toàn diện.

7. Các giải pháp về giảm nghèo, chính sách người có công và an sinh xã hội

Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo.

Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề nhằm tạo thuận lợi cho người nghèo tham gia vào thị trường lao động, nhất là xuất khẩu lao động.

8. Giải pháp về đất đai

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện Văn Bàn là cơ sở pháp lý để quản lý đất đai và là căn cứ để bố trí sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất... do đó các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân sử dụng đất phải tuân thủ đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh

Thực hiện tốt chiến lược quốc phòng, an ninh, nhất là xây dựng huyện Văn Bàn trở thành khu vực phòng thủ vững chắc của tỉnh; đẩy mạnh phong trào quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

VI. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Trên cơ sở các mục tiêu quy hoạch, xây dựng cụ thể chương trình thực hiện, kế hoạch hành động nhằm đạt được mục tiêu quy hoạch đề ra.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, chú trọng vào các dự án trọng điểm có sản phẩm chủ lực, mang tính quyết định đến sự thành công trong thực hiện mục tiêu quy hoạch.

Xây dựng các chương trình, đề án trọng tâm của huyện theo các lĩnh vực, các sản phẩm chủ lực của huyện và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất - kinh doanh của nhân dân; có các chính sách thực sự khuyến khích, ưu đãi đối với việc phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực này về thị trường tiêu thụ, về vốn và đất đai.

Từng bước cụ thể hóa công tác quy hoạch và đưa vào các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm để thực hiện. Ngoài ra, tùy theo sự thay đổi của tình hình

kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, dự án quy hoạch tổng thể của huyện cần được bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp với quá trình phát triển.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ UBND huyện Văn Bàn nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Văn Bàn trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Văn Bàn đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan được nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Bàn đến năm 2020. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan của tỉnh và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT, Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Như Điều 5 QĐ;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn;
- Huyện ủy, UBND huyện Văn Bàn;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Công báo Lào Cai, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, THCB, Các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



*** Đoàn Văn Hường**

Phụ lục: Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: 2107/QĐ-UBND ngày 24/16/2015 của UBND tỉnh Lào Cai)



1. Các dự án về các công trình giáo dục, văn hóa, xã hội, du lịch

- Dự án xây dựng nhà đa năng, nhà hiệu bộ, phòng chức năng, nhà nội trú, nhà bếp, nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ cho các trường học trên địa bàn.
- Xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất các phòng học các cấp (141 phòng).
- Dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Văn Bàn.
- Dự án nâng cấp, mở rộng trường PTDT Nội trú huyện Văn Bàn.
- Dự án xây dựng thêm các phòng chức năng cho các trường phổ thông.
- Dự án xây dựng thêm 15 nhà văn hóa xã đến năm 2020.
- Dự án xây dựng nhà thiếu nhi huyện Văn Bàn.
- Dự án xây dựng trung tâm cai nghiện cộng đồng.
- Dự án xây dựng nhà hợp khối y tế (Trung tâm y tế, TT dân số, Phòng y tế).
- Dự án nâng cấp 15 trụ sở HĐND & UBND xã.
- Dự án cải tạo, nâng cấp, đầu tư trang thiết bị 22 bưu điện xã.
- Dự án xây dựng trạm chuyển phát thanh (22 công trình cho 22 xã).

2. Các dự án về các công trình hạ tầng

- Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT 151.
- Dự án nâng cấp và xây dựng mới đường liên xã (Nâng cấp tuyến đường Chiềng Ken - Liêm Phú).
- Dự án xây dựng và nâng cấp đường giao thông liên thôn, bản và đường vào các khu sản xuất tập trung.
- Dự án xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Dự án xây dựng các công trình cấp nước tập trung và các hình thức khác phục vụ sinh hoạt.
- Dự án đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng 6 trung tâm cụm xã.
- Đường giao thông nội thị 6 trung tâm cụm xã.
- Dự án xây dựng các công trình cấp điện phục vụ sản xuất và dân sinh.
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước khu vực trung tâm huyện Văn Bàn.

3. Các dự án về phát triển sản xuất

- Đối với nông, lâm nghiệp

- + Dự án trồng rừng sản xuất và rừng phòng hộ.

- + Dự án hỗ trợ chăm sóc và bảo vệ rừng.
- + Dự án chuyển đổi cây trồng: Khôi phục cây ăn quả Hồng không hạt tại xã Tân An, Tân Thượng; lúa giống, ngô lai, lúa lai, cây rau, lạc, đậu tương...
- + Dự án trồng cây gỗ lớn có giá trị thay thế cây sắn tại xã Tân An, Tân Thượng.
- + Dự án bảo tồn và phát huy các nguồn gen quý hiếm tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn - Văn Bàn
- + Dự án khôi phục và phát triển loài cây ăn quả có múi tại các xã phía nam của huyện.
- + Dự án phát triển cây dược liệu (Sa nhân tím, Đương quy...)
- + Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi: Trâu, lợn đen,...
- + Dự án xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao...
- + Dự án nuôi trồng thủy sản (nuôi cá nước lạnh...).
- **Đối với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**
- + Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Võ Lao, Khánh Yên Trung.
- + Dự án khôi phục các làng nghề: Rượu Nậm Cắn,...
- + Dự án xây dựng các cơ sở, nhà máy bảo quản, chế biến dược liệu, chế biến nông sản sau thu hoạch...
- **Đối với các ngành dịch vụ**
- + Dự án xây dựng chợ tại Dương Quỳ, Khánh Yên Hạ...
- + Dự án xây dựng hệ thống nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn.
- + Dự án xây dựng và khai thác tua du lịch văn hóa (du lịch sinh thái, du lịch tâm linh).
- + Dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại trung tâm huyện.

Uy